

Hải Phòng, ngày 07 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách và các khoản thu
năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ kế hoạch thu chi của trường THPT Nguyễn Trãi;

Theo đề nghị của Kế toán trường THPT Nguyễn Trãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2023-2024 của trường THPT Nguyễn Trãi (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, kế toán, các phòng ban, tổ chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vương Đình Hường

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 226./QĐ-THPTNT ngày 07/9/2023 của trường THPT Nguyễn Trãi.)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	200.000.000
1.2	Mức thu	
1.3	Tổng số thu trong năm	4.400.000.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	4.600.000.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽²⁾	4.600.000.000
1.6	Số chi trong năm	1.430.000.000
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	2.500.000.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	1.000.000.000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	800.000.000
	- Chi khác	80.000.000
1.7	Số dư cuối năm	20.000.000
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	46.000.000
2.1.2	Mức thu	8.500đ/tiết
2.1.3	Tổng số thu trong năm	5.200.000.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	5.246.000.000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	5.246.000.000
2.1.6	Số chi trong năm	4.960.000.000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	3.500.000.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	240.000.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	750.000.000
	- Chi phúc lợi	470.000.000
	- Chi khác:.....	
2.1.7	Số dư cuối năm	286.000.000
2.2	Học nghề	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	7.000.000
2.2.2	Mức thu	
2.2.3	Tổng số thu trong năm	
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
2.2.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	

² Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
2.1.7	Số dư cuối năm	7.000.000
	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	
	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1. Trông coi xe		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	160.000.000
4.1.2	Mức thu	25.000- 45.000/tháng/hs
4.1.3	Tổng số thu trong năm	800.000.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	960.000.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	960.000.000
4.1.6	Số chi trong năm	920.000.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	120.000.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	100.000.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	400.000.000
	- Chi phúc lợi	300.000.000
	- Chi khác:.....	
4.1.7	Số dư cuối năm	40.000.000
	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
5.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
5.1.7	Số dư cuối năm	
	

TT	Nội dung	Dự toán
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Đã chi	
6.1.5	Dư	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	

TT	Nội dung	Dự toán
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.000.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	11.000.000.000
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	700.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	600.000.000
	Chi khác	700.000.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.000.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	1.000.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	700.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	600.000.000
	Chi khác	700.000.000
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	162.000.000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	140.000.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	125.000.000
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	140.000.000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	86.000.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	45.000.000
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

AK
Nguyễn Thị Thơ

Hải Phương, ngày 07 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Vương Đình Hương